ĐIỀU LỆ HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

(Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV Hội Cựu chiến binh Việt Nam thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2007)

Gần một thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân đã cùng toàn dân ta làm nên những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử - thời đại.

Trong thời kỳ đấu tranh cách mạng và kháng chiến cứu nước lâu dài, gian khổ và oanh liệt của dân tộc ta trước đây, cũng như trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc hiện nay, lực lượng Cựu chiến binh ngày càng phát triển lớn mạnh; đến nay đã có hàng triệu Cựu chiến binh, thuộc nhiều thế hệ tiếp tục nêu cao bản chất, truyền thống Bộ đội Cụ Hồ: "Trung thành với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" đang cùng nhân dân cả nước phấn đấu thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước ta.

Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng và nguyện vọng của các Cựu chiến binh, ngày 6-12-1989 Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Nghị quyết thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Từ ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội đã trưởng thành nhanh chóng và từng bước vững chắc, hoạt động đúng hướng và đạt nhiều kết quả, xứng đáng là một đoàn thể chính tị - xã hội, là chỗ dựa tin cậy của các ấp uỷ Đảng, chính quyền, nhân dân, nhất là ở cơ sở.

Trong tình hình mới, chấp hành Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết 09/NQ-TƯ của Bộ Chính tị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Cựu chiến binh trong giai đoạn cách mạng mới", thực hiện Pháp lệnh Cựu chiến binh, Hội tập hợp, đoàn kết, động viên Cựu chiến binh ra sức xây dựng tổ chức Hội ngày càng vững mạnh, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, góp phần tăng cường hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cùng toàn dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tích cực tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày 06 tháng 12 là ngày truyền thống của Cựu chiến binh.

CHƯƠNG I

TÍNH CHẤT, MỤC ĐÍCH CỦA HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

Điều 1:

Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một đoàn thể chính trị - xã hội, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là một cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, một tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, hoạt động theo đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Hội.

Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp của Cựu chiến binh, chăm lo giúp đỡ nhau trong cuộc sống, gắn bó tình bạn chiến đấu.

CHƯƠNG II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

Điều 2:

Hội Cựu chiến binh Việt Nam có chức năng đại diện ý chí, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng, hợp pháp của Cựu chiến binh. Hội làm tham mưu giúp cấp uỷ Đảng và làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động Cựu chiến binh thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội của cách mạng, của Hội; tham gia giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ viên chức Nhà nước.

Điều 3:

Hội Cựu chiến binh Việt Nam có nhiệm vụ:

1. Tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; đấu tranh chống mọi âm mưu, hoạt động chống phá hoại của các thế lực thù địch; chống các quan điểm sai trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội; giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, của cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; kiến nghị với cơ quan Nhà nước, chính quyền địa phương về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến Cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh.

3. Tập hợp, đoàn kết, động viên Cựu chiến binh rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, thực hiện tốt nghĩa vụ côngdân.

Tập hợp quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ tiếp tục phát

huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tham gia tổ chức Câu lạc bộ, Ban liên lạc Cựu quân nhân, các phong trào cách mạng ở cơ sở.

4. Tổ chức chăm lo, giúp đỡ Cựu chiến binh nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế gia đình, xoá đói, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp; tổ chức hoạt động tình nghĩa để Cựu chiến binh tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cựu chiến binh; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn, trợ giúp pháp lý cho Cựu chiến binh.

6. Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan quân sự giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường cho thế hệ trẻ.

7. Tiến hành các hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

CHƯƠNG III
HỘI VIÊN

Điều 4:

Những đối tượng được xét kết nạp vào Hội Cựu chiến binh:

- Các đồng chí đã tham gia các đơn vị vũ trang do Đảng tổ chức trước ngày Cách mạng Tháng Tám 1945.

- Các cán bộ và chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, biệt động đã tham gia kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế, nay đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu.

- Các cán bộ và chiến sĩ dân quân, du kích, tự vệ đã trực tiếp tham gia chiến đấu, đội viên các đội công tác vũ trang vùng địch tạm chiếm.

- Các công nhân viên quốc phòng đã tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong thời kỳ chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.

- Những sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp hoàn thành nhiệm vụ trong Quân đội đã xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu.

- Những hạ sĩ quan, chiến sĩ đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ, về định cư tại các xã, huyện miền núi, biên giới đất liền, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số.

- Những quân nhân đã hoàn thành nhiệm vụ ở tuyến đấu biên giới hải đảo.

- Những quân nhân trong quá trình làm nghĩa vụ quân sự tại ngũ có thành tích xuất sắc được Quân đội và Nhà nước khen thưởng.

-Những quân nhân được Bộ Quốc phòng đào tạo thành sĩ quan dự bị trước

khi ra quân.

Những người trên đây, giữ được bản chất "Bộ đội Cụ Hồ", làm tròn nghĩa vụ công dân, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội đều được xét kết nạp vào Hội.

Việc kết nạp hội viên do tổ chức cơ sở Hội thảo luận và quyết định. Những tổ chức cơ sở có chia ra Chi hội, thì do Chi hội thảo luận xem xét, đề nghị Ban chấp hành cơ sở quyết định. Nơi có Phân hội, thì Phân hội đề nghị, báo cáo lên Chi hội xem xét và Ban chấp hành Hội cơ sở quyết định.

Điều 5:

Nhiệm vụ của hội viên:

1. Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

2. Chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của Hội, tích cực tham gia các hoạt động của Hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ mà Hội giao cho.

3. Tích cực học tập rèn luyện, nâng cao kiến thức và giữ gìn phẩm chất, tư cách hội viên.

4. Đoàn kết tương trợ nhau trên tình đồng chí, đồng đội, nhất là khi gặp khó khăn.

5. Tuyên truyền phát triển hội viên mới, đóng hội phí, sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở Hội và tham gia xây dựng tổ chức Hội trong sạch, vững mạnh về mọi mặt.

Điều 6:

Quyền lợi của hội viên:

1. Được thông tin, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cần thiết theo sự phát triển của tình hình, nhiệm vụ cách mạng, tham gia các sinhhoạt, hoạt động của Hội.

2. Được giúp đỡ làm kinh tế, cải thiện đời sống theo khả năng của Hội.

3. Được Hội giúp đỡ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

4. Thảo luận, phê bình, chất vấn, kiến nghị và biểu quyết các công việc của Hội.

5. Ứng cử, đề cử, bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.

Điều 7:

Hội viên tuổi cao, thường xuyên đau yếu hoặc hoàn cảnh gia đình quá khó khăn được miễn công tác và sinh hoạt Hội trong từng thời gian, Chi hội xem xét và Ban chấp hành Hội cơ sở chuẩn y. Nơi có Phân hội, thì do Phân hội xem xét và Ban chấp hành Hội cơ sở chuẩn y.

CHƯƠNG IV
NGUYÊN TẮC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 8:

Hội Cựu chiến binh Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Ban chấp hành Hội các ấp do dân chủ bầu ra bằng cách bỏ phiếu kín và làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; trường hợp đặc biệt do cấp trên chỉ định; thời gian hoạt động của Ban chấp hành chỉ định không quá một năm.

Số lượng Ban chấp hành cấp nào do Đại hội cấp đó quyết định theo hướng dẫn của Ban chấp hành Trung ương Hội.

Ban chấp hành khoá mới nhận sự bàn giao từ Ban chấp hành khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu; được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của Ban chấp hành cấp trên trực tiếp.

Việc bổ sung Uỷ viên Ban chấp hành thiếu, do Ban chấp hành đề nghị, Ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng Uỷ viên Ban chấp hành sau khi bổ sung không vượt quá tổng số Uỷ viên Ban chấp hành do Đại hội quyết định. Khi cần thiết, Ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp được chỉ định tăng thêm một số Uỷ viên Ban chấp hành cấp dưới.

Uỷ viên Ban chấp hành Hội từ cấp tỉnh trở xuống xin rút khỏi Ban chấp hành ở cấp nào do Ban chấp hành cấp đó đề nghi, cấp trên trực tiếp quyết định. Đối với Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Hội, do Ban chấp hành Trung ương Hội quyết định.

Uỷ viên Ban chấp hành Hội các cấp khi thôi giữ các chức vụ công tác Hội thì thôi không tham gia Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh các cấp.

Điều 9:

Hệ thống tổ chức Hội có 4 cấp: Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận,thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và cấp cơ sở.

Ở những cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp được thành lập tổ chức Hội theo hướng dẫn của Ban chấp hành Trung ương Hội.

Hội Cựu chiến binh mỗi cấp đặt dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng Cộng sản Việt Nam cùng cấp, sự chỉ đạo của Ban chấp hành Hội cấp trên, phối hợp chặt chẽ với cơ sở chính quyền, Quân đội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân cấp đó và liên hệ gắn bó mật thiết với nhân dân.

Hội được tổ chức dựa theo hệ thống tổ chức của Đảng; tổ chức Đảng của đơn vị trực thuộc cấp uỷ nào thì tổ chức Hội của đơn vị cũng trực thuộc tổ chức Hội cấp tương ứng.

Điều 10:

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan

lãnh đạo ở mỗi cấp là Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên.

Đại hội cấp nào do Ban chấp hành cấp đó triệu tập theo kỳ hạn quy định. Khi Ban chấp hành xét thấy cần thiết hoặc khi có hơn 1 phần 2 số tổ chức Hội trực thuộc yêu cầu và được Ban chấp hành cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập Đại hội bất thường.

Đại biểu dự Đại hội gồm đại biểu do bầu cử từ cấp dưới lên và các Uỷ viên Ban chấp hành cấp triệu tập Đại hội.

Khi cần thiết Ban chấp hành triệu tập Đại hội được chỉ định một số đại biểu, không quá 5% tổng số đại biểu.

Sau khi Ban chấp hành mới được bầu ra, Đoàn Chủ tịch Đại hội uỷ nhiệm từ 1 đến 3 trong số các Uỷ viên được bầu, làm nhiệm vụ triệu tập Ban chấp hành mới họp phiên đầu tiên để bầu ra Ban Thường vụ, bầu ra Chủ tịch, các Phó chủ tịch (trong Ban Thường vụ) và bầu ra Ban Kiểm tra. Số lượng Uỷ viên Ban Thường vụ không quá 1 phần 3 số lượng Uỷ viên Ban chấp hành.

Điều 11:

Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội 5 năm họp 1 lần, có nhiệm vụ: đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua, quyết định phương hướng nhiệm vụ, chương trình công tác nhiệm kỳ tới, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội và bầu Ban chấp hành Trung ương Hội.

Ban chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ: tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, xây dựng và định hướng nội dung hoạt động, chỉ đạo các chương trình, kế hoạch hoạt động về các mặtcông tác của Hội giữa hai kỳ Đại hội. Ban chấp hành Trung ương Hội đại diện cho Hội quan hệ với các cơ quan Nhà nước, với các ban, ngành, các đoàn thể ở Trung ương, với các tổ chức xã hội trong và ngoài nước.

Ban chấp hành Trung ương bầu ra Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó chủ tịch và Ban Kiểm tra của Hội. Số lượng Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra do Ban chấp hành Trung ương quyết định.

Ban chấp hành Trung ương họp thường lệ 6 tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban Thường vụ họp thường lệ 3 tháng một lần, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành. Chủ tịch, các Phó chủ tịch là bộ phận thay mặt Ban Thường vụ điều hành công tác thường xuyên của Hội.

Khi khuyết Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương thì hội nghị Ban chấp hành Trung ương bầu cử bổ sung cho đủ số lượng do Đại hội đại biểu toàn quốc đã quyết định.

Trường hợp cần tăng thêm Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương thì do hội nghị Ban chấp hành Trung ương Hội quyết định.

Điều 12:

Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 5 năm họp một lần, có nhiệm vụ: thảo luận văn kiện của Ban chấp hành Hội cấp

trên, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu Ban chấp hành, bầu đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

Ban chấp hành Hội tỉnh, thành phố có nhiệm vụ: thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc, Nghị quyết, chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương Hội và Nghị quyết của Đại hội cấp mình, tham gia xây dựng và cụ thể hoá các Nghị quyết, chương trình, phong trào của Hội, chỉ đạo công tác của Hội ở địa phương giữa hai kỳ Đại hội, đại diện cho Hội quan hệ với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội ở tỉnh, thành phố.

Ban chấp hành Hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bầu ra Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó chủ tịch và bầu Ban Kiểm tra.

Ban chấp hành họp thường lệ 6 tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban Thường vụ họp 3 tháng một lần. Chủ tịch, các Phó chủ tịch là bộ phận thay mặt Ban Thường vụ điều hành công tác thường xuyên của Hội.

Điều 13:

Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị tương đương 5 năm họp một lần, có nhiệm vụ: thảo luận văn kiện của Ban chấp hành Hội cấp trên, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu Ban chấp hành, bầu đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

Ban chấp hành Hội huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có nhiệm vụ: tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và Nghị quyết của Đại hội cấp mình, hướng dẫn các tổ chức cơ sở thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, phong trào của Hội, chỉ đạo công tác Hội ở địa phương giữa hai kỳ Đại hội, phối hợp với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong các hoạt động chính trị ở địa phương.

Ban chấp hành huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các đơn vị tương đương bầu ra Ban Thường vụ, Chủ tịch, 2 Phó chủ tịch và bầu Ban Kiểm tra.

Ban chấp hành họp thường lệ 3 tháng một lần, họp bất thường khi cần. Những địa bàn có khó khăn đặc biệt, họp thường lệ 6 tháng 1 lần, do Ban chấp hành Trung ương Hội hướng dẫn. Ban Thường vụ họp 1 tháng 1 lần. Chủ tịch, các Phó chủ tịch là bộ phận thay mặt Ban Thường vụ điều hành công tác thường xuyên của Hội.

Điều 14:

Tổ chức Hội cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập cơ quan giúp việc theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Thường vụ Trung ương Hội.

Điều 15:

Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh các cấp cần quan hệ chặt chẽ với các Ban liên lạctruyền thống đơn vị, chiến trường và các hình thức tập hợp Cựu chiến

binh hợp pháp khác nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của Hội trong đông đảo Cựu chiến binh.

Đối với những quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về(không thuộc đối tượng kết nạp vào Hội) Hội Cựu chiến binh phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan quân sự địa phương, các ngành chức năng cùng cấp bằng các hình thức thích hợp, tập hợp, bồi dưỡng, động viên anh chị em phát huy vai trò tích cực của Cựu quân nhân trong các phong trào, các cuộc vận động ở cơ sở.

CHƯƠNG V
TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA HỘI

Điều 16:

Tổ chức cơ sở Hội là nền tảng của Hội.

Ở các xã, phường, thị trấn, các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp được thành lập tổ chức cơ sở Hội.

Tổ chức cơ sở là nơi tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội, của địa phương và của cơ quan, đơn vị, có nhiệm vụ:

- Tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, thực hiện pháp lệnh về dân chủ ở xã, phường; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia giám sát và phản biện xã hội; giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở.

- Bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực cho hội viên.

- Hướng dẫn hoạt động của hội viên và vận động Cựu chiến binh thực hiện các nhiệm vụ, các chương trình, phong trào của Hội.

- Chủ động phối hợp với các ngành, đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh ở cơ sở.

- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho hội viên, tổ chức giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, phát triển kinh tế gia đình.

- Xây dựng tổ chức Hội cơ sở vững mạnh.

Các tổ chức cơ sở Hội ở cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp có nhiệm vụ:

Tập hợp,đoàn kết, hướng dẫn, động viên Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ"; nâng cao ý thức trách nhiệm chính trị, tích cực góp phần xây dựng và thực hiện các chương trình kế hoạch công tác, sản xuất, kinh doanh của cơ quan đơn vị; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm, thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ quan đơn vị; gương mẫu chấp hành các quy tắc chế độ công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ chức trách người cán bộ, công nhân viên chức; chăm lo giúp đỡ nhau về tinh thần và vật chất.

Điều 17:

Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên ở cơ sở xã, phường, thị trấn và các cơ sở khác 5 năm họp 1 lần, có nhiệm vụ: thảo luận văn kiện của Ban chấp hành cấp trên, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu Ban chấp hành, bầu đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

Ban chấp hành Hội cơ sở tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và Nghị quyết của Đại hội cấp mình, chỉ đạo công tác ở cơ sở giữa 2 nhiệm kỳ Đại hội.

Ban chấp hành Hội cơ sở có từ 9 Uỷ viên trở lên bầu ra Ban Thường vụ, bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch và Ban Kiểm tra do Phó chủ tịch kiêm Trưởng Ban Kiểm tra; dưới 9 Uỷ viên chỉ bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch kiêm phụ trách kiểm tra.

Ban chấp hành Hội cơ sở nơi có Ban Thường vụ, họp thường lệ 3 tháng 1 lần, họp bất thường khi cần. Ban Thường vụ họp thường lệ 1 tháng 1 lần, điều hành công tác của Hội giữa 2 kỳ họp Ban chấp hành. Ban chấp hành Hội cơ sở nơi không có Ban Thường vụ, họp thường lệ 1 tháng 1 lần, họp bất thường khi cần.

Điều 18:

Những tổ chức cơ sở đông hội viên hoặc địa bàn quá rộng, được thành lập ra các Chi hội và dưới Chi hội là Phân hội, tạo thuận lợi cho sinh hoạt, công tác và thăm hỏi giúp đỡ nhau. Chi hội và Phân hội bầu ra Chi hội trưởng, Phân hội trưởng. Nơi có đông hội viên, có nhiều Phân hội, bầu ra 1 hoặc nhiều Chi hội phó.

Phân hội, Chi hội (nơi không chia ra Phân hội) sinh hoạt thường kỳ từ 1 đến 3 tháng 1 lần.

CHƯƠNG VI

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA HỘI VÀ BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 19:

Kiểm tra, giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo, một nhiệm vụ công tác của tổ chức Hội các cấp. Ban chấp hành các cấp Hội phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức Hội cấp dưới và hội viên về chấp hành Điều lệ, chỉ thị, Nghị quyết của Hội.

Tổ chức Hội và hội viên chịu sựkiểm tra, giám sát của Hội.

Ban chấp hành Hội các cấp bầu ra Ban Kiểm tra cấp mình. Số lượng Uỷ viên Ban Kiểm tra do Ban chấp hành mỗi cấp quy định, trong đó có 1 phần 3 là Uỷ viên Ban chấp hành.

Điều 20:

Ban Kiểm tra các cấp chịu sự lãnh đạo của Ban chấp hành cấp mình và sự

chỉ đạo của Ban Kiểm tra cấp trên, làm việc theo chế độ tập thể.

Ban Kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

- Kiểm tra hội viên, Uỷ viên Ban chấp hành Hội cùng cấp, tổ chức Hội cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành nhiệm vụ hội viên, nhiệm vụ Uỷ viên Ban chấp hành, trong việc chấp hành Điều lệ, chỉ thị, Nghị quyết của Hội và trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội.

- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra và xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội của tổ chức Hội cấp dưới.

- Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, đề nghị Ban chấp hành quyết định hình thức xử lý.

- Giám sát Uỷ viên Ban chấp hành cùng cấp,t CCB Hội cấp dưới trong việc chấp hành Điều lệ, tổ chức thực hiện chỉ thị, Nghị quyết của Hội.

- Tiếp nhận, xem xét, kiến nghị với Ban chấp hành giải quyết khiếu nại, tố cáo của hội viên và của nhân dân có liên quan đến hội viên và tổ chức Hội.

Ban Kiểm tra được quyền yêu cầu tổ chức Hội cấp dưới và hội viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra.

CHƯƠNG VII
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 21:

Hội viên và tổ chức Hội có nhiều thành tích được các cấp Hội xét khen thưởng theo Luật Thi đua khen thưởng và hướng dẫn của Ban chấp hành Trung ương Hội và của Nhà nước.

Điều 22:

Những hội viên và tổ chức Hội làm trái Điều lệ, Nghị quyết của Hội, làm tổn hại đến uy tín và tài sản của Hội thì tuỳ tính chất, mức độ sai lầm mà áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật sau đây:

Đối với hội viên: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ khỏi Hội.

Những hội viên bỏ sinh hoạt Hội, không đóng hội phí liên tục từ 1 năm trở lên, mà không có lý do chính đáng, thì xoá tên trong danh sách hội viên.

Đối với Uỷ viên Ban chấp hành: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ khỏi Hội.

Đối với tổ chức Hội: khiển trách, cảnh cáo.

Việc xử lý kỷ luật hội viên phải được Chi hội thảo luận, biểu quyết với sự đồng ý của quá 1 phần 2 tổng số hội viên, Ban chấp hành Hội cơ sở xem xét quyết định. Với hình thức khai trừ khỏi Hội phải được Chi hội biểu quyết với sự đồng ý của 2 phần 3 tổng số hội viên, Ban chấp hành Hội cơ sở xem xét, quyết

định.

Xử lý kỷ luật 1 Uỷ viên Ban chấp hành Hội cấp nào do hội nghị Ban chấp hành cấp ấy thảo luận, biểu quyết với sự đồng ý của quá 1 phần 2 tổng số Uỷ viên Ban chấp hành, Ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp chuẩn y. Xử lý kỷ luật 1 Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Hội do hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương quyết định.

Xử lý kỷ luật 1 tổ chức Hội với hình thức khiển trách, cảnh cáo do Ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp quyết định. Trường hợp đặc biệt cần áp dụng hình thức xử lý kỷ luật cao hơn do sai phạm nghiêm trọng, thì do Ban chấp hành Hội cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên xem xét quyết định.

CHƯƠNG VIII
TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 23:

Tài chính của Hội gồm các nguồn:

- Ngân sách Nhà nước cấp.

- Hội phí do hội viên đóng.

- Tiền ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu hợp pháp khác.

Tài chính, ngân sách ở cấp nào do cấp ấy tự quản, có tài khoản riêng và chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước theo luật định. Ban chấp hành Trung ương Hội quy định mức đóng hội phí, chế độ thu nộp và sử dụng.

Hàng năm hội nghị Ban chấp hành nghe báo cáo về thu, chi hội phí của cấp mình.

CHƯƠNG IX
CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ HỘI

Điều 24:

Mọi hội viên và tổ chức Hội có trách nhiệm chấp hành Điều lệ Hội.

Ban chấp hành Trung ương Hội có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội.

Điều 25:

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Hội.